

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/RANGDONG/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 87 - 89, Phố Hạ Đình, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024-38584310

Email: ralaco@rangdong.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0101526991

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CỐC GIỮ NHIỆT INOX

2. Thành phần: Ruột trong: Inox; Nắp: nhựa PP; Gioăng: Silicon. Vỏ ngoài: Inox.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không áp dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 01 sản phẩm được cho vào trong 01 túi nilon sau đó cho vào trong 01 hộp trong. 12 hộp trong cho vào 01 thùng carton (hộp ngoài).

Vật liệu bao bì: Hộp trong: carton sóng E bồi duplex 250 g/m2. Hộp ngoài: carton 3 lớp sóng A.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Trụ sở chính: Số 87 - 89, Phố Hạ Đình, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội.

Cơ sở sản xuất: KCN Quế Võ (mở rộng), Phường Phương Liễu, Tỉnh Bắc Ninh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1 : 2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-2 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-3 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 01 tháng 07 năm 2026



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Trung Tường

Số/No: 26/TN4/0853/04

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu:

Name of sample

Inox dùng cho cốc giữ nhiệt inox, bình đựng thức ăn giữ nhiệt inox, bình
đựng thức ăn, ấm điện siêu tốc /

Stainless Steel material used for Stainless Steel Tumbler, Stainless Steel
Insulated Food Jar, Food Jar, Electric Kettles

Khách hàng:

Customer

Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Rang Dong Light Source and Vacuum Flask Joint Stock Company

Số lượng mẫu:

Quantity

03 mẫu/03 samples

Ngày nhận mẫu:

Date of receiving

21/04/2026

Tình trạng mẫu:

Status of sample

Mẫu trong túi nilon/ Sample in plastic bag

Thời gian thử nghiệm:

Test duration

Từ ngày: 21/04/2026

From

Đến ngày: 28/05/2026

To

Ngày hoàn thành:

Completion date

28/05/2026

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2026
Hanoi, 05/28/2026

GIÁM ĐỐC

Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results are valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN4/0853/04

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (**)	Kết quả Results
1.	Kim loại thôi nhiễm (Metal residue) Điều kiện thử nghiệm (Testing condition): 60°C, 30 phút trong axit xitric 0,5%/ 60°C, 30 minutes in citric acid 0,5%/ Hàm lượng Pb/ Pb content	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT + ICP MS	QCVN 12-3: 2011/BYT	
	Hàm lượng Cd/Cd content	µg/ml		≤ 0,4	KPH/ Not detected (LOD =0,01) (*)
	Hàm lượng As /As content	µg/ml		≤ 0,1	KPH/ Not detected (LOD =0,01)
				≤ 0,2	KPH/ Not detected (LOD =0,03)
2.	Kim loại thôi nhiễm (Metal residue) Điều kiện thử nghiệm (Testing condition): 95°C, 30 phút trong nước 95°C, 30 minutes in water Hàm lượng Pb/ Pb content	µg/ml	QCVN 12-3:2011/BYT + ICP MS	≤ 0,4	KPH/ Not detected (LOD =0,01)
	Hàm lượng Cd/Cd content	µg/ml		≤ 0,1	KPH/ Not detected (LOD =0,01)
	Hàm lượng As /As content	µg/ml		≤ 0,2	KPH/ Not detected (LOD =0,03)

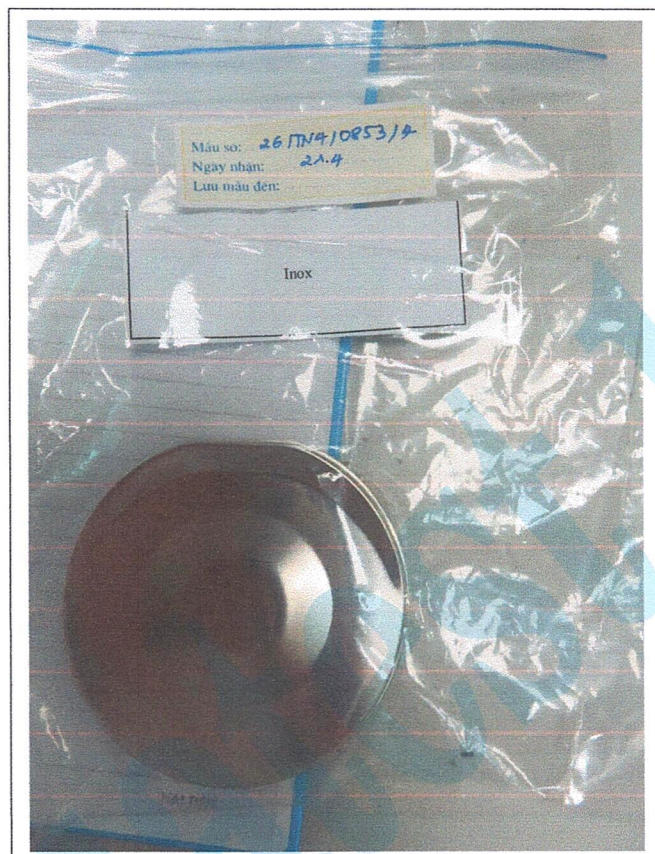
(*): KPH: không phát hiện; LOD:Giới hạn phát hiện/ Limit of detection;

(**): Mức tham khảo: QCVN12-3:2011/BYT- quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ National technical regulation on safety and hygiene for metallic containers in direct contact with foods

Số/No: 26/TN4/0853/04

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



Số/No: 26/TN4/0853/03

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

Tên mẫu: **Gioăng silicone dùng cho cốc giữ nhiệt inox, bình đựng thức ăn giữ nhiệt inox, bình đựng thức ăn/**
Name of sample **Silicone gaskets used for Stainless Steel Tumbler, Stainless Steel Insulated Food Jar, Food Jar**

Khách hàng: **Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông**
Customer **Rang Dong Light Source and Vacuum Flask Joint Stock Company**

Số lượng mẫu: **03 mẫu/03 samples**
Quantity

Ngày nhận mẫu: **21/04/2026**
Date of receiving

Tình trạng mẫu: **Mẫu trong túi nilon/ Sample in plastic bag**
Status of sample

Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 21/04/2026 Đến ngày: 28/05/2026**
Test duration **From To**

Ngày hoàn thành: **28/05/2026**
Completion date

**TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM**
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2026
Hanoi, 05/28/2026

GIÁM ĐỐC
Director

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN4/0853/03

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (***)	Kết quả Results
1	Hàm lượng Chì/ Lead content	µg/g	QCVN 12-2:2011/BYT	< 100	6,7
2	Hàm lượng Cadimi/ Cadimi content	µg/g	QCVN 12-2:2011/BYT	< 100	KPH/ Not detected (LOD =1,0)
3	Hàm lượng cặn khô/ Dry waste: Điều kiện ngâm (Testing condition): (*)		QCVN 12-2:2011/BYT		
	. 95°C, 30 phút, trong nước/ 30 min in water at 95°C	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 60	KPH/ Not detected (LOD =5,0) (**)
	. 95°C, 30 phút, trong axit axetic 4%/ 30 min in acetic acid at 95°C	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 60	23,0
	. 60°C, 30 phút, trong etanol / 30 min in etanol 20% at 60°C	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 60	<15,0 (LOQ =15,0)
4	Tổng kim loại nặng qui ra Pb/ Heavy metal total (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4%/ Testing condition: 30 min in acetic acid at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
5	Định tính Formaldehyd/ Formaldehyde qualitative test Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước / Testing condition: 30 min in hot water at 95°C)	-	QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính (Negative)	Âm tính (Negative)
6	Định tính 2Mercaptoimidazolin/ 2Mercaptoimidazolin qualitative test	-	QCVN 12-2:2011/BYT	Âm tính (Negative)	Âm tính (Negative)
7	Hàm lượng Phenol/ Phenol content Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước / Testing condition: 30 min in hot water at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	< 5,0	KPH/ Not detected (LOD =0,5)
8	Hàm lượng Zn /Zn concentration (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4%/ Testing condition: 30 min in acetic acid at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-2:2011/BYT	≤ 15	0,08

(*) : Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS/ Vilas recognized Specifications

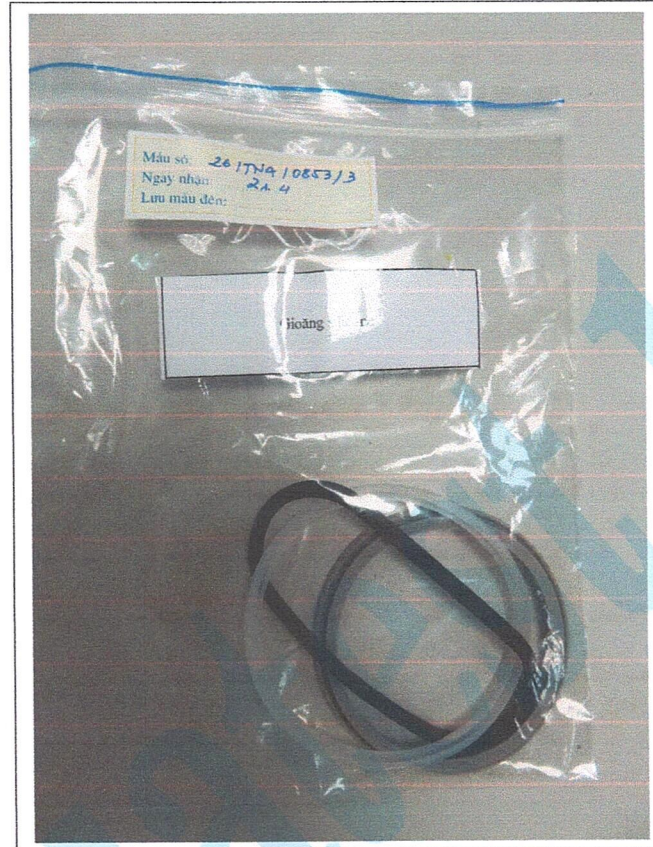
(**) : KPH: không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of detection; LOQ: giới hạn định lượng/ Limit of quantitative

(***) : Mức tham khảo: QCVN 12-2:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/ National technical regulation on safety and hygiene for Rubber Implements, Container and Packaging in direct contact with foods

Số/No: 26/TN4/0853/03

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



Số/No: 26/TN4/0853/02

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

Tên mẫu: Nhựa PP dùng cho cốc giữ nhiệt inox, bình đựng thức ăn giữ nhiệt inox,
Name of sample bình đựng thức ăn, ấm điện siêu tốc/
PP plastic used for Stainless Steel Tumbler, Stainless Steel Insulated
Food Jar, Food Jar, Electric Kettles

Khách hàng: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông
Customer Rang Dong Light Source and Vacuum Flask Joint Stock Company

Số lượng mẫu: 03 mẫu/03 samples
Quantity

Ngày nhận mẫu: 21/04/2026
Date of receiving

Tình trạng mẫu: Mẫu trong túi nilon/ Sample in plastic bag
Status of sample

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 21/04/2026 Đến ngày: 28/05/2026
Test duration From To

Ngày hoàn thành: 28/05/2026
Completion date

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 28 tháng 05 năm 2026
Hanoi, 05/28/2026

GIÁM ĐỐC
Director
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 1

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN4/0853/02

Trang/Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Limits (***)	Kết quả Results
	Thử phần nhựa PP/ PP Plastic part testing				
1	Hàm lượng Chì/ Lead content	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH/ Not detected (LOD =1,0)
2	Hàm lượng Cadimi/Cadimi content	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	< 100	KPH/ Not detected (LOD =1,0)
3	Tổng kim loại nặng qui ra Pb (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong axit axetic 4%/Testing condition: 30 min in hot acid acetic at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 1,0	< 1,0
4	Lượng KMnO ₄ sử dụng/ Consumed KMnO ₄ : (*) (Điều kiện thử nghiệm: 95°C, 30 phút trong nước /Testing condition: 30 min in water at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 10	KPH/ Not detected (LOD =1,0)
5	Hàm lượng cặn khô/Dry waste: Điều kiện ngâm(Testing condition): (*)		QCVN 12-1:2011/BYT		
	. 95°C, 30 phút, trong nước/30 min in hot water at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 30	KPH/ Not detected (LOD =5,0)
	. 95°C, 30 phút, trong axit axetic 4%/ 30 min in hot acid acetic 4% at 95°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 30	18,0
	. 25°C, 60 phút, trong n-heptan/ 60 min in n-heptan at 25°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 30	KPH/ Not detected (LOD =5,0)
	. 60°C, 30 phút, trong etanol / 30 min in etanol 20% at 60°C)	µg/ml	QCVN 12-1:2011/BYT	≤ 30	KPH/ Not detected (LOD =5,0)

(*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS/ Vilas recognized Specifications

(**): KPH: không phát hiện; LOD:Giới hạn phát hiện/ Limit of detection; LOQ: giới hạn định lượng/Limit of quantitative

(***): Mức tham khảo: QCVN12-1:2011/BYT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm/National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin Implement, container and packaging in direct contact with foods

Số/No: 26/TN4/0853/02

Trang/Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

